TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày 04 – 4 – 2019
V/v tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ và hợp đồng ủy quyền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Chiến.
Ông Ngô Hoàng Sơn.
- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thúy Nguyên – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 02, 03 và 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ và hợp đồng ủy quyền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 693/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Quốc H; cư trú tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S; cư trú tại số 344/2A, đường Nguyễn D, phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; Hiện trú tại tầng trệt, khách sạn Song Ngọc, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Kim X; cư trú tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Hồ Quốc H (nguyên đơn) trình bày:

Anh cùng với mẹ ruột là bà Phan Kim X có tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Hồ Thị Bền và bà Hồ Kim Quyên đối với phần đất tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Đối với vụ án tranh chấp với bà Bền đã được Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm bằng bản án số: 135/2017/DS-PT ngày 31/8/2017 còn vụ án tranh chấp với bà Quyên, hiện Tòa án nhân dân huyện C đã giải quyết xong.

Do tin tưởng vào lời hứa của anh Nguyễn Thanh S nên ngày 09/11/2017, anh cùng với bà X ký biên bản thỏa thuận đồng ý ủy quyền cho anh S làm người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Quyên và lập các hồ sơ, thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét theo trình tự giám đốc thẩm yêu cầu hủy án trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Hồ Thị Bền. Việc thỏa thuận có lập biên bản, được ba người cùng ký tên nhưng không có công chứng chứng thực với nội dung thỏa thuận: "*Đối với phần đất tranh chấp với bà Quyên, khi Tòa án xét xử xong vụ án thắng kiện thì anh cùng bà X cam kết bán lại toàn bộ phần diện tích đất căn cứ theo bản án cho anh S với giá tiền là: 1 mét ngang mặt tiền Quốc lộ 1A chạy dọc đến hậu đất với giá 20.000.000đ/1m ngang. Chi phí đi lại và thù lao sẽ do anh S tạm ứng và tự chịu. Khi hai bên ký thỏa thuận này thì bên anh S đưa trước số tiền cọc cho anh H cùng bà X là 20.000.000đ; Đối với phần đất tranh chấp với bà Bền, anh cùng với bà X đồng ý và tự nguyện trả cho anh S số tiền thù lao, chi phí đi lại lo thủ tục và lập hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét hủy án theo trình tự giám đốc thẩm với số tiền là 120.000.000đ"*. Sau khi ký biên bản thỏa thuận, anh cùng với bà X đưa cho anh S số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để thực hiện các công việc trên còn số tiền 20.000.000đ thực tế anh S không có đưa, cũng không có đặt cọc. Tuy nhiên, anh S không thực hiện đúng thỏa thuận mà tiếp tục yêu cầu anh cùng bà X đưa thêm tiền trong khi anh S đang nhận làm thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án của bà Bền nhưng anh S lại yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành bản án cho bà Bền từ đó làm mất lòng tin của anh cùng bà X nên anh cùng bà X không đồng ý đưa thêm tiền và có yêu cầu anh S trả lại hồ sơ thì anh S có những lời lẽ xúc phạm anh cùng bà X. Nay anh yêu cầu Tòa án hủy biên bản thỏa thuận giữa anh cùng bà X với anh S vào ngày 09/11/2017 và buộc anh S trả lại số tiền 100.000.000đ cho mẹ con anh.

Đồng thời, anh H cũng xác định số tiền 100.000.000đ là tiền chung của mẹ con anh vay tại Ngân hàng mà có được để đưa cho anh S nên anh S phải có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho mẹ con của anh. Mặc dù, anh S không báo cho mẹ con anh biết việc anh S nộp đơn yêu cầu giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân cấp cao đến khi hòa giải vụ án, anh mới biết việc anh S đã nộp đơn nên anh đồng ý cùng với bà X trả chi phí cho anh S trong việc soạn thảo, nghiên cứu, nộp đơn tại Tòa án nhân dân cấp cao là 10.000.000đ và chi phí đi lại, ăn ở hai chuyến là 10.000.000đ. Tổng hai khoản, anh chỉ đồng ý cùng bà X trả cho anh S số tiền là 20.000.000đ còn đối với yêu cầu phản tố, anh S yêu cầu xin lỗi trực tiếp tại nơi cư trú, nơi làm việc và bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và tiền tổn thất về tinh thần với số tiền 16.560.000đ, anh H không đồng ý.

Tại đơn phản tố và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh S (bị đơn) trình bày:

Anh xác định không có ký hợp đồng, không có nhận số tiền 100.000.000đ từ anh H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H. Tuy nhiên, anh thừa nhận

ngày 09/11/2017, anh có cùng với bà Phan Kim X và anh Hô Quốc H ký biên bản thỏa thuận với nội dung như anh H trình bày ở trên nhưng anh H chỉ ký với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia tố tụng trong vụ án của bà Quyên và lập hồ sơ yêu cầu giám đốc thẩm bản án số 135/2017/DS-PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau trong vụ án tranh chấp với bà Bền. Sau khi ký văn bản thỏa thuận, anh có nhận từ bà X số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Đến ngày 10/11/2017, anh cùng với bà X ký hai hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Đất Mũi: 01 hợp đồng ủy quyền trong vụ án tranh chấp với bà Bền và 01 hợp đồng ủy quyền trong vụ án tranh chấp với bà Quyên.

Quá trình thực hiện thỏa thuận, anh đã thực hiện đúng thỏa thuận, không vi phạm cụ thể: Ngày 12/4/2018, anh đã nộp đơn yêu cầu giám đốc thẩm bản án số 135/2017/DS-PT ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh, có biên nhận nhận đơn còn vụ tranh chấp với bà Quyên tại Tòa án nhân dân huyện C, anh đã thực hiện các công việc như: nộp đơn yêu cầu đo đạc, thẩm định tại chổ và đại diện cho bà Xuyên tham gia với đoàn đo đạc, thẩm định tại chổ đối với phần đất tranh chấp với bà Quyên tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án không biết lý do nào bà X tự ý chấm dứt việc ủy quyền với anh và yêu cầu Luật sư tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà X mà không thông báo cho anh biết, đây là lỗi của bà X. Nay anh H có yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận ngày 09/11/2017 và buộc trả lại số tiền 100.000.000đ cho anh H, anh không đồng ý nhưng việc bà X tự ý chấm dứt việc ủy quyền cho anh tham gia trong hai vụ án tranh chấp trên theo hợp đồng ủy quyền và văn bản thỏa thuận đã ký kết, anh cũng đồng ý và đồng ý trả lại cho bà X số tiền 100.000.000đ đã nhận nhưng việc ủy quyền nộp đơn tại Tòa án nhân dân cấp cao thì anh đã thực hiện đúng theo thỏa thuận nên anh có yêu cầu bà X phải hoàn trả chi phí cho anh gồm các khoản: thù lao, chi phí tập hợp hồ sơ, nghiên cứu tài liệu, viết đơn gửi Tòa án cấp cao với số tiền 10.000.000đ; chi phí đi lại từ Thành Phố Hồ Chí Minh về Cà Mau và ngược lại là 05 chuyến với số tiền 25.000.000đ; chi phí ăn ở, lưu trú 05 chuyến là 5.000.000đ. Tổng các khoản anh S yêu cầu bà X trả cho anh với số tiền là 40.000.000đ còn việc ủy quyền trong vụ án của bà Quyên, hiện Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử vào ngày 16/11/2018, anh không tham gia đại diện theo ủy quyền cho bà X nữa nên không yêu cầu gì trong việc ủy quyền này.

Đối với anh H, trong thời gian thực hiện thỏa thuận anh H nhắn tin, dùng những lời lẽ không hay xúc phạm anh và nộp đơn tố cáo đến Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, Ban nội chính cùng Công an thành phố Cà Mau điều này đã làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của anh nên yêu cầu anh H phải xin lỗi anh trực tiếp tại nơi cư trú, nơi làm việc và phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín, tiền tổn thất về tinh thần cho anh với số tiền là 16.560.000đ. Ngoài ra, anh không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Phan Kim X (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày và có cùng yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Quốc H (con ruột của bà X) trong việc hủy bỏ biên bản thỏa thuận ngày 09/11/2017 và thống nhất với việc chấm dứt ủy quyền cho anh S đại diện trong hai vụ án tranh chấp nêu trên. Đồng thời, bà X xác định số tiền 100.000.000đ đưa cho anh S là tiền chung của mẹ con bà vay từ Ngân hàng mà có được để đưa cho anh S. Đối với yêu cầu phản tố của anh S, bà X không đồng ý bởi anh S không thực hiện đúng việc cam kết đã thỏa thuận nhưng tại phiên tòa, bà đồng ý cùng anh H trả chi phí cho anh S trong việc soạn thảo, nghiên cứu, nộp đơn tại Tòa án nhân dân cấp cao là 10.000.000đ và chi phí đi lại, ăn ở hai chuyến là 10.000.000đ. Tổng hai khoản, bà Xuyên đồng ý cùng anh H trả cho anh S số tiền là 20.000.000đ. Ngoài ra, bà X không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Hồ Quốc H và bà Phan Thị X là mẹ con cùng thống nhất thỏa thuận cho anh Nguyễn Thanh S làm người đại diện theo ủy quyền trong vụ án tranh chấp đất giữa bà X với bà Hồ Kim Quyên và đại diện theo ủy quyền cho bà X để nộp đơn đến Tòa án nhân dân cấp cao xem xét giải quyết vụ án tranh chấp đất giữa bà X với bà Hồ Thị Bền đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử bằng bản án số 135/2017/DS-PT ngày 31/8/2017 theo trình tự giám đốc thẩm. Việc thỏa thuận có lập biên bản vào ngày 09/11/2017, được các bên đồng ý cùng ký tên nhưng biên bản thỏa thuận không có công chứng chứng thực và anh S đã nhận số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền thù lao và chi phí đi lại, lo thủ tục, lập hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét hủy án theo trình tự giám đốc thẩm từ mẹ con bà X là sự thật. Đến ngày 10/11/2017, bà X cùng anh S lập hai hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng Đất Mũi cho anh S làm đại diện theo ủy quyền đối với hai vụ án tranh chấp nêu trên nhưng không có anh S tham gia giao kết hợp đồng.

Tại phiên tòa, anh S khẳng định không nhận tiền, không giao dịch với anh H mà chỉ giao dịch, thỏa thuận và ký hợp đồng ủy quyền, nhận tiền từ bà X còn anh H chỉ tham gia ký kết vào văn bản thỏa thuận ngày 09/11/2017 với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ tranh chấp với bà Bền, bà Quyên là chưa đúng thực tế vụ việc bởi lẽ: Hai hợp đồng ủy quyền được công chứng chứng thực ngày 10/11/2017, giữa anh S với bà X chỉ thỏa thuận việc ủy quyền không có thù lao và thực tế, giữa các bên cũng không giao nhận tiền hoặc nhận bất kỳ lợi ích vật chất nào phát sinh từ hai hợp đồng ủy quyền trên trong khi việc thỏa thuận ngày 09/11/2017, anh H cùng bà X và anh S cùng thống nhất thỏa thuận, cam kết trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, có việc giao nhận tiền. Mặc dù, anh S cho rằng tiền anh nhận từ cá nhân bà X nên chỉ đồng ý trả cho bà X mà không đồng ý trả cho anh H nhưng anh không có chứng cứ chứng minh số tiền trên là tiền chung hay tiền riêng trong khi bà X cùng anh S có mối quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng với nhau và cả hai đều thừa nhận số tiền 100.000.000đ đưa cho anh S là tiền chung của hai người.

Chính vì lẽ đó, trong tranh chấp giữa các đương sự tồn tại song song hai mối quan hệ là tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ và tranh chấp về hợp đồng ủy quyền. Do đó, anh H và bà X đều là chủ thể có quyền khởi kiện tuy bà X không nộp đơn yêu cầu độc lập trong cùng vụ án nhưng bà X đã tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà X có cùng yêu cầu với anh H (nguyên đơn), bà X hiện đã trên 60 tuổi (bà X sinh năm 1948) – Là người cao tuổi nên theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà X thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Hơn nữa, anh S cũng có đơn phản tố yêu cầu bà X trả chi phí cho anh trong việc thực hiện các công việc theo thỏa thuận ngày 09/11/2017 và đồng ý chấm dứt việc ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền được giao kết ngày 10/11/2017 với bà X nên Tòa án vẫn xem xét, giải quyết yêu cầu của bà X cùng với yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, giải quyết được toàn diện nội dung tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng đối với hai hợp đồng ủy quyền giữa bà X với anh S được công chứng chứng thực ngày 10/11/2017, tuy việc ủy quyền không có thù lao và theo quy định của pháp luật, bà X có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho anh S một thời gian hợp lý. Mặc dù, các đương sự không thống nhất có việc báo trước cho nhau nhưng việc chấm dứt việc ủy quyền thực tế là có xảy ra bởi tại bản án số 187/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà X và bà Quyên (do anh S cung cấp tại tòa) thể hiện anh S không có tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà X trong vụ án trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh S cùng bà X thống nhất chấm dứt hợp đồng ủy quyền nên chấp nhận. Do hợp đồng ủy quyền không có thù lao nên không đặt ra nghĩa vụ hoàn trả hay trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Đối với nội dung thỏa thuận, cam kết thực hiện nghĩa vụ giữa các bên tại văn bản thỏa thuận ngày 09/11/2017 thể hiện việc thỏa thuận, cam kết giữa anh H, bà X và anh S trong vụ tranh chấp với bà Quyên không có hiệu lực đối với các bên bởi thỏa thuận, cam kết đó không thể thực hiện được vì tại thời điểm thỏa thuận, vụ án tranh chấp giữa bà X với bà Quyên chưa được Tòa án giải quyết xong thì không thể biết được ai thắng, ai thua kiện để ràng buộc trách nhiệm pháp lý nên các bên đều có lỗi trong vụ việc này. Hơn nữa, việc thỏa thuận, cam kết này các bên không có giao nhận tiền hay tài sản gì nên không đặt ra trách nhiệm hoàn lại cũng không đặt ra việc bồi thường. Riêng đối với thỏa thuận lo thủ tục, lập hồ sơ yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xem xét hủy án theo trình tự phúc thẩm trong vụ án tranh chấp giữa bà X với bà Bền thể hiện các bên không thỏa thuận cụ thể thời gian thực hiện thủ tục, lập hồ sơ, nộp đơn yêu cầu giám đốc thẩm và ngày 12/4/2018, anh S mới thực hiện việc nộp đơn yêu cầu đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh vẫn còn trong thời

hạn theo quy định của pháp luật nên anh S không có vi phạm thỏa thuận. Tại phiên tòa, anh S cũng đồng ý hủy bỏ văn bản thỏa thuận trên và đồng ý trả lại số tiền 100.000.000đ cho bà X nhưng với phân tích nêu trên, văn bản thỏa thuận ngày 09/11/2017 có anh H tham gia thỏa thuận, anh S không chứng minh được số tiền anh nhận là tiền riêng của cá nhân bà X nên yêu cầu của anh H, bà X là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu phản tố của anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy việc anh H có nhắn tin, dùng những lời lẽ không hay và nộp đơn tố cáo anh S đến Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, đến Ban nội chính cùng Công an thành phố Cà Mau là có thật, được anh H thừa nhận tại phiên tòa và các tin nhắn thoại, anh S nộp tại tòa cũng được anh H xác nhận đúng là lời thoại giữa anh H với anh S nhưng hành động này của anh H chưa đến mức làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và gây tổn thất về mặt tinh thần của anh S nên việc anh S yêu cầu anh H phải xin lỗi trực tiếp tại nơi cư trú, nơi làm việc và phải bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín, tiền tổn thất về tinh thần cho anh với số tiền là 16.560.000đ là chưa có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, trong vụ việc nộp đơn đơn yêu cầu tại Tòa án nhân dân cấp cao thực tế anh S có thực hiện theo đúng nội dung thỏa thuận ngày 09/11/2017 và tại phiên tòa, anh H cùng bà X thống nhất trả cho anh S chi phí: thù lao, chi phí tập hợp hồ sơ, nghiên cứu tài liệu, viết đơn gửi Tòa án cấp cao với số tiền 10.000.000đ nên chấp nhận mà không cần điều chỉnh. Riêng đối với chi phí đi lại từ Thành Phố Hồ Chí Minh về Cà Mau và ngược lại cùng với chi phí ăn ở, lưu trú các đương sự không thỏa thuận thống nhất với nhau về số lần đi, về để thực hiện việc làm hồ sơ, thủ tục nộp đơn yêu cầu giám đốc thẩm nhưng không có ý kiến gì về mức giá chi phí của mỗi lượt đi, về nên lấy mức giá mà anh S yêu cầu làm cơ sở để tính và trong trường hợp này, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận chi phí đi lại từ Thành Phố Hồ Chí Minh về Cà Mau và ngược lại cùng với chi phí ăn ở, lưu trú của anh S là 03 chuyến, cụ thể: Chi phí đi lại 03 chuyến (đi, về) là 15.000.000đ; Chi phí ăn ở, lưu trú 03 chuyến là 3.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền anh S được chấp nhận là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

[3] Về trách nhiệm thanh toán, tuy anh S chỉ yêu cầu bà X hoàn trả chi phí cho anh trong việc nộp đơn yêu cầu giám đốc thẩm nhưng tại phiên tòa, anh H và bà X cùng nhận trách nhiệm trả chi phí này – đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên chấp nhận song, ngược lại anh S cũng phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 100.000.000đ cho anh H, bà X.

Do nghĩa vụ của các bên bù trừ được với nhau nên đối trừ, cụ thể anh S chỉ còn phải trả cho bà X, anh H số tiền là: (100.000.000đ – 28.000.000đ) = 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng), anh H và bà X không phải trả lại khoản tiền nào cho anh S.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đối với yêu cầu của anh S về bồi thường danh dự, uy tín, nhân phẩm tuy không được chấp nhận nhưng yêu cầu này thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng anh S phải chịu án phí trên số tiền trả cho anh H, bà X. Đối với anh H, bà X phải nộp án phí trên số tiền được chấp nhận trả cho anh S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 278, 280, 281, 567 và Điều 569 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và các Điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hủy bỏ văn bản thỏa thuận ngày 09/11/2017 giữa bà Phan Kim X, anh Hồ Quốc H với anh Nguyễn Thanh S và chấm dứt việc thực hiện hai hợp đồng ủy quyền được công chứng chứng thực cùng ngày 10/11/2017 giữa bà Phan Kim X với anh Nguyễn Thanh S về việc ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh S làm người đại diện theo ủy quyền trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Phan Kim X với bà Hồ Thị Bền và vụ án tranh chấp giữa bà Phan Kim X với bà Hồ Kim Quyên.

- Buộc anh Nguyễn Thanh S trả cho bà Phan Kim X, anh Hồ Quốc H số tiền là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà X, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, anh S không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Nguyễn Thanh S phải chịu số tiền là 3.600.000đ. Ngày 31/10/2018, anh S đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ theo biên lai số 0001574 được đối trừ chuyển thu, sung quỹ nhà nước. Anh S còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Anh Hồ Quốc H, bà Phan Kim X phải chịu số tiền 1.400.000đ. Ngày 03/8/2018, anh H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000đ theo biên lai số 0001134 được đối trừ chuyển thu, sung quỹ nhà nước số tiền 1.400.000đ nên bà X, anh H không phải nộp tiếp án phí và anh H được nhận lại số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân